

Đặc tính sản phẩm



Bulông neo hóa chất ống nhộng thủy tinh **Anchor VZ**

- Ống nhộng gồm "2 trong 1 ống" hóa chất nên dễ lắp đặt, bulông chịu tải trọng rất cao, thích hợp cho môi trường ẩm và xâm thực khi dùng chung với thanh ren bulông mạ kẽm và inox
- Khô cứng nhanh, được neo cấy với thanh ren bulông vào bê tông và đá tự nhiên để chịu tải trọng nặng
- Loại bulông hóa chất thích hợp cho ứng dụng khoan cấy **ngược trần**

Ưu điểm của sản phẩm

- Thanh ren bulông có 2 đầu được gia công đặc chủng giúp lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng
- Tiết kiệm với công tác lắp đặt nhỏ lẻ so với hóa chất dạng tuýp bơm
- Được định lượng sẵn tương ứng cho mỗi đường kính bulông Thích hợp cho ứng dụng có khoảng cách hai bulông và mép nhỏ Rất tiện dụng vì dùng bulông neo cho các ứng dụng trong nhà lẫn ngoài trời, kể cả kho lạnh vì được phép xài quanh năm trong vùng nhiệt độ bê tông từ -20°C đến +40°C
- Chuyên dụng cho khoan cấy lắp đặt bulông neo **ngược trần**
- Chịu được tải trọng chấn động đất theo tiêu chuẩn châu Âu
- Khả năng chống cháy được chứng nhận đến 2 giờ

Vật liệu nền khoan cấy

- Bê tông
- Đá tự nhiên

Chứng chỉ kỹ thuật được phê duyệt

- Chứng chỉ châu Âu số ETA-20/0533
- Chứng chỉ chống cháy Ingenieurbürothiele số 22043_2



Các ứng dụng điển hình



- Lắp đặt bản mã thép vào cấu kiện bê tông
- Lắp dựng cột, kèo kết cấu thép, cầu thang thép
- Máy móc thiết bị công nghiệp
- Bảng hiệu quảng cáo Billboards quanh cao ốc
- Giá đỡ mặt dựng nhôm-kính quanh mặt tiền nhà cao tầng
- Băng cao su cho khe con giằng mặt cầu



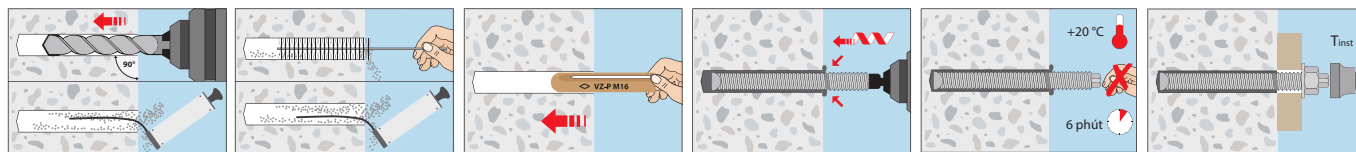
Thời gian khô cứng **Anchor VZ**

→ Nhiệt độ ống nhộng keo khi neo cấy
-15°C đến +40°C



Nhiệt độ (°C) của vật liệu nền	Thời gian khô cứng
-20°C đến -16°C	17 giờ
-15°C đến -11°C	7 giờ
-10°C đến -6°C	4 giờ
-5°C đến -1°C	3 giờ
0°C đến +4°C	50 phút
+5°C đến +9°C	25 phút
+10°C đến +19°C	15 phút
+20°C đến +29°C	6 phút
+30°C đến +40°C	6 phút

Biện pháp thi công khoan cấy



1. Khoan lỗ bê tông có đường kính và độ sâu như được chỉ định tương ứng với đường kính thanh ren cần cấy
2. Dùng máy thổi bụi và chổi lông vệ sinh sạch bụi 2 lần
3. Nhét ống nhộng keo VZ-P tương ứng vào lỗ khoan
4. Kẹp đầu lực gác của thanh ren bulông vào máy khoan và xoay đầu nhọn vào để nghiêng và trộn 2 thành phần keo đến khi thanh ren chạm đáy lỗ thì dừng
5. Để yên liên kết bulông neo sau thời gian khô cứng hoàn toàn rồi mới bắt đầu siết con tán (écu) đến mô-men siết được chỉ định

VZ-P sản phẩm ống nhộng keo thủy tinh

Mã hàng	Chi tiết tên hàng	Dùng với thanh ren (mm)	Chiều dài ống nhộng (mm)	Qui cách đóng gói mỗi hộp (ống)	Trọng lượng mỗi hộp (kg)
64201001	M10 VZ-P	M10x130	80	10	0,19
64201201	M12 VZ-P	M12x160	95	10	0,25
64201601	M16 VZ-P	M16x190	95	10	0,38
64202001	M20 VZ-P	M20x260	145	10	0,63
64202401	M24 VZ-P	M24x300	190	5	0,72
64203001	M30 VZ-P	M30x380	265	5	1,36

V-A™ thanh ren bulông mạ kẽm dày 5μm (5.8)

Mã hàng	Chi tiết tên hàng	Đường kính thanh ren (mm)	Chiều dài thanh ren (mm)	Độ dày tối đa bản mã (mm)	Đường kính lỗ khoan bê tông Ø (mm)	Độ sâu lỗ khoan bê tông (mm)
21203101	M10x130/30 V-A	10	130	30	12	90
21306101	M12x160/35 V-A	12	160	35	14	110
21510101	M16x190/45 V-A	16	190	45	18	125
21617101	M20x260/60 V-A	20	260	60	22	170
21721101	M24x300/55 V-A	24	300	55	28	210
21829101	M30x380/70 V-A	30	380	70	35	280

V-A™ thanh ren bulông inox A4/SS316

21203501	M10x130/30 V-A A4/SS316	10	130	30	12	90
21306501	M12x160/35 V-A A4/SS316	12	160	35	14	110
21510501	M16x190/45 V-A A4/SS316	16	190	45	18	125
21617501	M20x260/60 V-A A4/SS316	20	260	60	22	170

Khả năng chịu tải trọng thiết kế được cấy với thanh ren bulông neo V-A™

Đường kính thanh ren bulông (mm)	Đường kính lỗ khoan bê tông Ø (mm)	Độ sâu lỗ khoan bê tông (mm)	Mô-men lực siết tán (Nm)	Khả năng chịu lực Cắt (kN)*	Khả năng chịu lực Kéo (kN)*
M10	12	90	20	13,5	18,3
M12	14	110	30	20,4	24,4
M16	18	125	60	37,7	30,4
M20	22	170	120	59,1	45,7
M24	28	210	200	85,3	54,8
M30	35	280	400	101,6	92,0

Tải trọng thiết kế (kN) cho trường hợp dùng với thanh ren bulông mạ kẽm (thép 5.8, mạ kẽm) trong bê tông mác 30N/mm² * Hãy tham khảo nhân viên kỹ thuật của nhà phân phối để có thêm nhiều thông số hay giải thích kỹ thuật kỹ hơn